PHÁT TRIỂN CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở HÀN QUỐC, NHẬT BẢN VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Phùng Mạnh Hùng[*]
Phạm Thị Diệu Anh[**]

Tóm tắt

Nhật Bản và Hàn Quốc là những quốc gia có nền kinh tế phát triển với hàng trăm tập đoàn kinh tế và công ty đa quốc gia, khu vực DNNVV chiếm hơn 99% tổng số doanh nghiệp và có vai trò quan trọng, được coi là động lực, là xương sống của các nền kinh tế này. Các chính sách hỗ trợ DNNVV của Nhật Bản, Hàn Quốc đều được luật hóa tại các Đạo luật cơ bản về DNNVV. Nhiều tập đoàn hàng đầu thế giới hiện nay của hai quốc gia này xuất phát từ các DNNVV và phát triển thành công là nhờ kết nối và ứng dụng các thành quả, sản phẩm sáng tạo của hàng ngàn DNNVV trong chuỗi cung ứng.

Ở Việt Nam, các DNNVV đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế. Mặc dù chiếm hơn 95% trên tổng số doanh nghiệp hiện đang hoạt động trên cả nước, song các DNNVV vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn về hành lang pháp lý, công nghệ sản xuất, mô hình quản lý, kỹ năng quản lý của đội ngũ lãnh đạo, hạn chế về thông tin và tiếp cận dịch vụ tài chính, vốn đầu tư,... Bài viết đã tổng hợp kinh nghiệm của Nhật Bản, Hàn Quốc trong quá trình thực hiện các chính sách giúp hệ thống DNNVV phát triển, trên cơ sở đó rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình phát triển hệ thống doanh nghiệp này tại Việt Nam.

Từ khóa: *Phát triển, Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nhật Bản, Hàn Quốc.*

Mã số: 196.281015. Ngày nhận bài: 28/10/2015. Ngày hoàn thành biên tập: 03/11/2015. Ngày duyệt đăng: 04/12/2015.

Abstract

Japan and Korea are the the developed countries with hundred of conglomerates and multinational companies. SMEs sector accounts for more than 99 percent of total enterprises and plays an important role, as the backbone of these economies. SMEs support policies of Japan and Korea are reflected in the Basic Act on SMEs. Many leading corporations of these two countries were SMEs and have developed successfully due to connection and application of the results, innovative products of SMEs in supply chain.

In Vietnam, SMEs play a vital role in the economic development process. Although accounting for over 95% of businesses currently operating in the country, SMEs face many difficulties in the legal framework, manufacturing technology, management model, management and leadership skills, limited information access to financial services, investment, etc. The article summarizes the experiences of Japan, Korea in the process of implementing the supporting policies for SMEs development, thus, discovers the lessons learned during the development of this enterprise system in Vietnam.

Key words: *Development, Small and Medium Enterprises, Japan, Korea.*

Paper No. 196.281015. Date of receipt: 28/10/2015. Date of revision: 03/11/2015. Date of approval: 04/12/2015.

[*] TS, Trường Đại học Ngoại thương; Email: hungpm@ftu.edu.vn
[**] ThS, Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Trên thế giới, hệ thống doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, hệ thống doanh nghiệp này vẫn còn nhiều khó khăn trong quá trình phát triển như: Quy mô nhỏ, thiếu vốn và khó tiếp cận nguồn vốn, trình độ công nghệ còn lạc hậu, khả năng quản trị doanh nghiệp yếu, thiếu nguồn nhân lực có trình độ cao, thiếu mặt bằng để phát triển sản xuất kinh doanh, đại bộ phận chưa quan tâm đến xây dựng thương hiệu, khó liên kết để tạo thế mạnh chung...Chính vì vậy, trong những năm gần đây, hệ thống doanh nghiệp này đang là mục tiêu trọng tâm của các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế của các quốc gia. Nhiều chương trình và chính sách đã được chính phủ các nước triển khai thực hiện để thúc đẩy sự phát triển của các DNNVV. Các chính sách và chương trình này được thực hiện thông qua các hoạt động của nhà nước nhằm giúp hệ thống DNNVV khắc phục những hạn chế tồn tại của mình trong quá trình phát triển.

Cho đến nay chưa có một khái niệm chung về loại hình DNNVV mà tùy thuộc vào đặc điểm của từng quốc gia, từng giai đoạn phát triển kinh tế để đưa ra những qui định về DNNVV. Khi định nghĩa về DNNVV, các quốc gia thường căn cứ vào qui mô về vốn của doanh nghiệp, số lao động thường xuyên, tổng doanh thu, tổng tài sản của doanh nghiệp… để định nghĩa. Như vậy, mỗi quốc gia sử dụng những tiêu thức hay có các kết hợp các tiêu thức khác nhau để đưa ra định nghĩa riêng về DNNVV. Bên cạnh đó, không chỉ các tiêu chí phân loại khác nhau mà ngay cả cách phân loại doanh nghiệp cũng khác nhau. Có quốc gia phân chia doanh nghiệp thành 4 loại như doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa, doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp cực lớn. Có quốc gia lại phân chia doanh nghiệp thành doanh

Bảng 1: Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa của một số quốc gia

Nước	Tiêu thức áp dụng	
	Số lao động	**Tổng vốn hoặc giá trị tài sản**
In-đô-nê-xi-a	<100	<0,6 tỷ rupi
Xin-ga-po	<100	<499 triệu USD
Thái Lan	<100	<200 Bath
Hàn Quốc	<300 trong CN, XD	<0,6 triệu USD
	<200 trong TM&DV	<0,25 triệu USD
Nhật	<100 trong bán buôn	<10 triệu Yên
	<50 trong bán lẻ	<100 triệu Yên
EU	<250	<27 triệu Euro
Mê-hi-cô	<250	< 7 triệu USD
Hoa kỳ	<500	<20 triệu USD

Nguồn: Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009

Bảng 2: Các tiêu thức phân loại doanh nghiệp tại Việt Nam

Khu vực	Doanh nghiệp siêu nhỏ	Doanh nghiệp nhỏ		Doanh nghiệp vừa	
	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động
I. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 200 người	từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	từ trên 200 người đến 300 người
II. Công nghiệp và xây dựng	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 200 người	từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	từ trên 200 người đến 300 người
III. Thương mại và dịch vụ	10 người trở xuống	10 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 50 người	từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	từ trên 50 người đến 100 người

Nguồn: Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009

nghiệp cực nhỏ (thường là kinh tế hộ gia đình), doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa, doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp cực lớn. Thực tế trên thế giới, các nước có quan niệm rất khác nhau về doanh nghiệp vừa và nhỏ, nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự khác nhau này tiêu thức dùng để phân loại quy mô doanh nghiệp khác nhau. Tuy nhiên trong hàng loạt các tiêu thức phân loại đó có hai tiêu thức được sử dụng ở phần lớn các nước là quy mô vốn và số lượng lao động.

Tại Việt Nam, theo khoản 1 điều 3 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 thì doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: Siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn (tổng nguồn vốn tương đương tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp) hoặc số lao động bình quân năm (tổng nguồn vốn là tiêu chí ưu tiên), cụ thể như bảng 2

Với cách xác định trên thì phần lớn doanh nghiệp đang hoạt động có qui mô nhỏ và vừa. Nếu phân loại theo qui mô lao động thì trong số 324.691 doanh nghiệp đang hoạt động (tính đến 1/1/2012) thì có 216.732 doanh nghiệp siêu nhỏ, 93.356 doanh nghiệp nhỏ và 6.853 doanh nghiệp vừa và 7.750 doanh nghiệp lớn đang hoạt động. Như vậy nhóm siêu nhỏ chiếm tới 66,75%, nhóm doanh nghiệp nhỏ chiếm 28,75% trong khi số doanh nghiệp vừa chỉ chiếm 2,1% và doanh nghiệp lớn chiếm 2,4%.

Tình hình doanh nghiệp có dấu hiệu tốt lên khi số doanh nghiệp lập mới trong năm 2013 tăng trở lại so với cùng kỳ năm 2012. Năm 2013 cả nước có gần 77.000 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với số vốn đăng ký là 398.681 tỷ đồng, tăng 10,1% về số doanh nghiệp trong khi giảm 14,7% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Trong giai đoạn 2008-2013, số lượng doanh nghiệp thành lập mới có xu hướng tăng ổn định trong 02 năm

2009-2011 nhưng lại giảm dần từ năm 2012. Nếu năm 2009 cả nước có gần 85.000 doanh nghiệp thành lập mới thì đến năm 2012 con số này giảm xuống chỉ còn gần 70.000 doanh nghiệp và năm 2013 số doanh nghiệp thành lập mới giảm 8% so với cùng kỳ năm 2010.

Bảng 3: Số lượng doanh nghiệp đăng ký kinh doanh giai đoạn 2008-2013

Năm	Số lượng doanh nghiệp ĐKKD	Lũy kế	Vốn đăng ký (tỷ đồng)
2008	65.319	331.060	
2009	84.531	415.591	
2010	83.685	499.276	
2011	77.548	576.824	513.700
2012	69.874	646.698	467.265
2013	76.955	723.653	398.681
2014	74.842	798.495	432.286

Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ kế hoạch và Đầu tư

Cũng trong giai đoạn 2008-2012 số lượng doanh nghiệp Việt Nam đang hoạt động đã duy trì tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm trên 10% cụ thể, tăng 20,9% năm 2009, tăng 11,8% năm 2010, tăng 11,6% năm 2011 và tăng 10,6% năm 2012. Như vậy, tỷ lệ giữa số doanh nghiệp đăng ký với số doanh nghiệp thực tế đang hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn này là gần 53%, giảm gần 10% nếu so sánh với tỷ lệ doanh nghiệp thực tế đang hoạt động trong tổng số doanh nghiệp hiện có của nền kinh tế tại thời điểm 01/01/2008 (62%). Giai đoạn này hoạt động của các doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn thể hiện qua số lượng các doanh nghiệp giải thế, phá sản, hoặc ngừng hoạt động và ngừng nộp thuế. Năm 2013 có khoảng 60.700 doanh nghiệp giải thế và ngừng hoạt động, số doanh nghiệp gặp khó khăn rơi vào tình trạng ngừng hoạt động là 50.919 doanh nghiệp, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm 2014, cả nước có 74.842 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 432.286 tỷ đồng, giảm 2,7% về số doanh nghiệp và tăng 8,4% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, xu hướng thanh lọc diễn ra mạnh mẽ từ năm 2013 đến nay đã sàng lọc lại những doanh nghiệp thực sự có chất lượng, không chỉ linh hoạt để tồn tại qua giai đoạn khó khăn nhất mà còn tìm kiếm thêm cơ hội kinh doanh mới để mở rộng quy mô hoạt động. Cụ thể, trong năm 2014, có 22.758 lượt doanh nghiệp thay đổi tăng vốn với tổng số vốn đăng ký tăng thêm là 595.707 tỷ đồng. Như vậy, tổng số vốn đăng ký mới và đăng ký bổ sung thêm vào nền kinh tế trong năm 2014 là 1.027.993 tỷ đồng.

Tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp trong năm 2014 đạt 5,8 tỷ đồng, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm 2013. Số lao động dự kiến được tạo công việc làm của các doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2014 là 1.091 nghìn lao động, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, mặc dù vẫn chưa thực sự thoát khỏi bối cảnh khó khăn nhưng xét trên khía cạnh quy mô vốn, doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2014 đã tăng hơn so với cùng kỳ năm ngoái. Điều đó cho thấy môi trường kinh doanh đã được cải thiện, tạo niềm tin cho cộng đồng doanh nghiệp vào môi trường kinh doanh.

Trong năm 2014, một số ngành, lĩnh vực hoạt động có sự gia tăng về doanh nghiệp thành lập mới, như: nghệ thuật, vui chơi và giải trí; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, đặc biệt là sự phục hồi trở lại của lĩnh vực kinh doanh bất động sản, phản ánh hiệu quả

các biện pháp của Chính phủ trong việc tháo gỡ khó khăn của chương trình tín dụng 30.000 tỷ đồng cho vay hỗ trợ nhà ở người có thu nhập trung bình, thu nhập thấp. Bên cạnh đó, vẫn còn một số ngành, lĩnh vực có số doanh nghiệp thành lập mới giảm so với năm 2013, gồm: khai khoáng; khoa học, công nghệ; dịch vụ tư vấn, thiết kế; quảng cáo và chuyên môn khác; xây dựng; dịch vụ việc làm; du lịch; cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác và bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy.

2. Kinh nghiệm phát triển DNNVV tại Nhật Bản

Nhật Bản là nền kinh tế lớn với hàng ngàn tập đoàn kinh tế, công ty đa quốc gia hoạt động trong và ngoài lãnh thổ quốc gia này. Tuy nhiên, khu vực DNNVV vẫn có vai trò quan trọng được coi là lực lượng không thể thay thế ngay cả hiện tại và trong tương lai. Theo số liệu thống kê đến cuối năm 2010, DNNVV ở Nhật chiếm đến 99% trong tổng số doanh nghiệp, thu hút 39 triệu lao động chiếm 80% lực lượng lao động làm việc cho các doanh nghiệp. Thu nhập của khu vực kinh tế này chiếm 99,1% tổng thu nhập bán buôn và 99,8% tổng thu nhập bán lẻ. Đặc trưng của các DNNVV của Nhật Bản đáng chú ý là hoạt động vệ tinh của các doanh nghiệp lớn, nhận thầu lại công việc của những doanh nghiệp lớn; Các doanh nghiệp được tổ chức theo các giai tầng doanh nghiệp mẹ (tập đoàn), doanh nghiệp con, trong đó các doanh nghiệp con có sự gắn bó mật thiết, lâu dài, có hợp đồng dài hạn, liên tục với doanh nghiệp mẹ; Các DNNVV ở Nhật Bản phần lớn thuộc các ngành nghề truyền thống, nhưng luôn luôn có sự kết hợp giữa những tính cách truyền thống dân tộc với kỹ thuật, công nghệ hiện đại. Số lượng DNNVV thường biến động, nhưng xu hướng số lượng doanh nghiệp loại này ngày càng tăng. Trong từng thời kỳ phát triển của nền kinh tế đất nước, Chính phủ Nhật đã ban hành nhiều chính sách phát triển khu vực DNNVV. Những thay đổi về chính sách nhằm đặt khu vực DNNVV vào vị trí phù hợp nhất và khẳng định tầm quan trọng của nó trong nền kinh tế. Những thay đổi về chính sách nhằm đặt khu vực DNNVV vào vị trí phù hợp nhất và khẳng định tầm quan trọng của nó trong nền kinh tế. Xét một cách tổng quát, các chính sách phát triển DNNVV của Nhật Bản tập trung vào các mục tiêu chủ yếu sau đây: Thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển của DNNVV; tăng cường lợi ích kinh tế và xã hội của các doanh nghiệp và người lao động tại các DNNVV; khắc phục những bất lợi mà các DNNVV gặp phải; hỗ trợ tính tự lực của các DNNVV. Các chính sách hỗ trợ các DNNVV của Nhật được phân thành hai nhóm chính. Một là, hỗ trợ tăng cường năng lực kinh doanh của các DNNVV. Hai là, hỗ trợ cho việc thay đổi cơ cấu doanh nghiệp. Từ năm 1980, Liên đoàn doanh nghiệp nhỏ được thành lập, với chức năng chính là thực hiện là toàn bộ các chính sách giúp đỡ DNNVV thông qua thúc đẩy việc hiện đại hóa và nâng cấp cơ cấu DNNVV, nâng cao khả năng của DNNVV nhờ phát triển công nghệ kỹ thuật; giúp đỡ DNNVV trong các nỗ lực hoạt động kinh doanh quốc tế, giúp DNNVV đào tạo nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, Liên đoàn các doanh nghiệp nhỏ của Nhật còn thực hiện các chức năng sau: Hướng dẫn và tài trợ cho các dự án nâng cấp doanh nghiệp; đào tạo cán bộ công nhân tại Học viện quản lý và công nghệ DNNVV; cung cấp dịch vụ thông tin, nâng cấp kỹ thuật và hỗ trợ cho việc quốc tế hóa của DNNVV; điều hành hệ thống hỗ trợ lẫn nhau

của các doanh nghiệp nhỏ; điều hành hệ thống hỗ trợ lẫn nhau nhằm ngăn chặn phá sản trong các DNNVV. Nội dung của chính sách hỗ trợ DNNVV của Chính phủ Nhật Bản được thể hiện ở một số mặt sau:

- Cải cách pháp lý: Luật cơ bản về DNNVV mới được ban hành năm 1999 hỗ trợ cho việc cải cách cơ cấu để tăng tính thích nghi của DNNVV với những thay đổi của môi trường kinh tế - xã hội; tạo tính thuận lợi cho việc tái cơ cấu doanh nghiệp. Các luật tạo thuận lợi cho thành lập doanh nghiệp mới và hỗ trợ DNNVV đổi mới trong kinh doanh, khuyến khích mạnh mẽ việc thành lập các doanh nghiệp mới, tăng nguồn cung ứng vốn rủi ro, trợ giúp về công nghệ và đổi mới. Luật Xúc tiến các hệ thống phân phối có hiệu quả ở DNNVV hỗ trợ cho việc tăng cường sức cạnh tranh trong lĩnh vực bán lẻ thông qua công nghệ thông tin và xúc tiến các lĩnh vực bán hàng. Hệ thống hỗ trợ cũng được thiết lập nhằm hạn chế sự phá sản của các DNNVV.

- Hỗ trợ về vốn vay: Hỗ trợ có thể dưới dạng các khoản cho vay thông thường với lãi suất cơ bản hoặc các khoản vay đặc biệt với những ưu đãi theo các mục tiêu chính sách. Hệ thống hỗ trợ tăng cường cơ sở quản lý các DNNVV ở từng khu vực, các khoản vay được thực hiện tùy theo từng điều kiện của khu vực thông qua một quỹ được góp chung bởi chính quyền trung ương và các chính quyền địa phương và được ký quỹ ở một thể chế tài chính tư nhân. Kế hoạch cho vay nhằm cải tiến quản lý của các doanh nghiệp nhỏ được áp dụng với các doanh nghiệp không đòi hỏi phải có thế chấp hoặc bảo lãnh; hệ thống bảo lãnh tín dụng nhận bảo lãnh cho các DNNVV vay vốn tại các thể chế tài chính tư nhân. Còn Hiệp hội bảo lãnh tín dụng có chức năng mở rộng các khoản tín dụng bổ sung và bảo lãnh tín dụng cho các DNNVV. Hệ thống bảo lãnh đặc biệt, đã hoạt động từ năm 1998, có chức năng như một mạng lưới an toàn, nhằm giảm nhẹ những rối loạn về tín dụng và góp phần làm giảm các vụ phá sản của DNNVV.

- Củng cố và phát triển nguồn cung tài trợ cho DNNVV bằng các biện pháp như: Chính phủ cho vay trực tiếp, chủ yếu là các khoản vay dài hạn không có lãi hoặc lãi suất rất thấp để nâng cao trình độ công nghệ, phương tiện hiện đại phục vụ sản xuất kinh doanh. Cho vay thông qua các cơ quan hỗ trợ của Chính phủ, các tổ chức tài chính công liên quan đến hỗ trợ phát triển DNNVV như Hội đồng tài chính DNNVV, Hội đồng tài chính nhân dân, Ngân hàng trung ương của các hợp tác xã thương mại và công nghiệp.

- Củng cố và phát triển các tổ chức tài chính chuyên doanh của khu vực kinh tế tư nhân để phục vụ cấp vốn cho DNNVV: Kết hợp với các tổ chức tài chính công tổ chức tài chính chuyên doanh này tăng khả năng tiếp cận vốn cho DNNVV. Kết quả đã thành lập hơn 862 tổ chức tài chính phục vụ DNNVV và hơn 4.517 tổ chức tài chính chuyên trách phục vụ trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp.

3. Kinh nghiệm phát triển các DNVVN của Hàn Quốc

Vào đầu những năm 1980, Hàn Quốc đã thực hiện các chính sách khuyến khích DNNVV phát triển, qua đó DNNVV trở thành những doanh nghiệp vệ tinh cung cấp bán thành phẩm cho các tập đoàn lớn. Chính phủ Hàn Quốc đã ban hành Luật Xúc tiến doanh nghiệp hỗ trợ chỉ định một số ngành công nghiệp cũng như một số sản phẩm trong các ngành công nghiệp này là sản phẩm phụ trợ. Luật yêu cầu các doanh nghiệp lớn phải mua

các sản phẩm đã chỉ định này từ bên ngoài chứ không được tự sản xuất. Chính phủ Hàn Quốc tập trung đầu tư cải thiện những mặt yếu kém của các DNNVV, nhằm tăng tính cạnh tranh thông qua việc khuyến khích các doanh nghiệp loại này đổi mới cơ cấu quản lý và vận hành. Hàn Quốc đề ra chính sách nhằm thực hiện chiến lược tăng cường hỗ trợ phù hợp với đặc tính của từng giai đoạn tăng trưởng như: Linh hoạt hóa khởi nghiệp, bằng các chính sách như tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, cải thiện cơ chế quản lý, đơn giản hóa thủ tục rút ngắn thời gian thành lập, hỗ trợ vốn khởi nghiệp, mặt bằng và thuế (ưu tiên cho các doanh nghiệp mạo hiểm). Chính phủ đã định hướng lĩnh vực ưu tiên phát triển là các ngành công nghiệp chế tạo, hình thành loại hình "thung lũng Silicon Hàn Quốc" cho DNNVV, hỗ trợ 50% chi phí trang thiết bị và giảm thuế doanh thu, sử dụng tài sản, đất; nuôi dưỡng và thúc đẩy tăng trưởng, chính sách giúp các DNNVV có kinh phí hỗ trợ từ Nhà nước để nghiên cứu đổi mới công nghệ phù hợp với ngành và phạm vi hoạt động, đồng thời có thể tiếp nhận và ứng dụng nhanh những thành tựu của nghiên cứu mới vào hoạt động hiện hữu. Chính sách thương mại hóa sản phẩm gắn liền với chủ trương thực hiện các hợp đồng mua sản phẩm của Chính phủ và các tập đoàn công nghiệp lớn, trong đó có phần hỗ trợ bảo lãnh tín dụng và thiết kế mẫu mã thích nghi với thị trường; tăng trưởng - toàn cầu hóa, là nhóm giải pháp nhằm ổn định nguồn nhân lực, củng cố điều kiện làm việc và xây dựng năng lực cạnh tranh toàn cầu. Để ổn định nguồn nhân lực cho DNNVV, gắn tương lai DNNVV với tương lai của các trường đại học và nền kinh tế, Chính phủ đã có chủ trương thay đổi nhận thức của giới lao động về hoạt động và hướng phát triển của DNNVV, bằng các giải pháp hữu hiệu như ưu tiên cho sinh viên các trường đại học thực tập tại DNNVV (có cộng thêm điểm), bổ sung vào chương trình đào tạo các môn học về DNNVV; khuyến khích DNNVV tăng cường thu nhận chuyên gia nước ngoài.

Tại Hàn Quốc, hệ thống hỗ trợ tài chính cho DNNVV bao gồm hệ thống bảo lãnh tín dụng trực thuộc Ngân hàng Trung ương, các cơ cấu tài chính khác thuộc chính phủ và chính sách thuế. Đây là những công cụ đắc lực mà chính phủ sử dụng để hỗ trợ DNNVV.

- Bảo lãnh tín dụng:

Hệ thống bảo lãnh tín dụng của Hàn Quốc được luật hóa từ năm 1961 với mục tiêu là giảm nhẹ khó khăn tài chính cho các DNNVV. Cho đến nay, hệ thống hỗ trợ tài chính cho DNNVV được phân theo ba kênh chính gồm: Quỹ bảo lãnh tín dụng Hàn Quốc, Quỹ bảo lãnh tín dụng công nghệ Hàn Quốc và Quỹ bảo lãnh tín dụng địa phương. Quỹ bảo lãnh tín dụng Hàn Quốc được Chính phủ thành lập từ năm 1976 với 50% vốn của Chính phủ, 30% vốn của ngân hàng thương mại và 20% của các định chế tài chính, đến nay, phần vốn của Chính phủ chỉ chiếm 20%. Ngoài bảo lãnh tín dụng, quỹ này còn cung cấp các dịch vụ tư vấn, đào tạo về quản lý đối với nhân lực của các DNNVV được quỹ bảo lãnh. Năm 1989, Hàn Quốc thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng công nghệ để triển khai thực hiện Luật Hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp công nghệ mới, chuyên cung cấp các dịch vụ bảo lãnh tín dụng đối với doanh nghiệp, đặc biệt ưu tiên cho các DNNVV có triển vọng tốt, ứng dụng công nghệ sạch nhưng không đủ tài sản đảm bảo.

- Thực hiện chính sách hoàn thuế đối với các DNNVV:

Chính sách này được thực hiện từ năm

1980, trong đó tập trung vào những doanh nghiệp đầu tư và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, bao gồm: hoàn lại 15% chi phí đầu tư cho nghiên cứu phát triển và đào tạo nguồn nhân lực; miễn thuế VAT, thuế trước bạ đối với nhà cửa và đất đai phục vụ các mục tiêu nghiên cứu phát triển.

4. Một số kinh nghiệm nhằm phát triển các DNNVV tại Việt Nam

4.1. Hoàn thiện khung pháp lý, môi trường kinh doanh

Việt Nam đã xây dựng các chính sách hỗ trợ phát triển loại hình doanh nghiệp này gồm Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 về trợ giúp phát triển DNNVV thay thế Nghị định số 90/2001/NĐ-CP 23/10/2001 của Chính phủ về trợ giúp phát triển DNNVV. Tiếp đến, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 05/5/2010 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 56/2009/NĐ-CP nhằm triển khai thực hiện tích cực, đồng bộ các chính sách trợ giúp phát triển và phát huy mọi khả năng và nguồn lực đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNVV. Để đẩy nhanh tốc độ phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của DNNVV, tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi, lành mạnh để các doanh nghiệp này góp phần ngày càng cao vào phát triển kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và hội nhập kinh tế quốc tế, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1231/QĐ-TTg ngày 07/9/2012 về Phê duyệt Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2011 - 2015.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo môi trường ổn định cho cộng đồng DN nâng cao hiệu quả kinh doanh, yên tâm đầu tư lâu dài. Các Bộ ngành tổ chức hướng dẫn triển khai các văn bản luật quan trọng liên quan đến môi trường pháp lý cho doanh nghiệp (Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Phá sản, Luật Hải quan...) nhằm đảm bảo môi trường kinh doanh ổn định, thuận lợi cho doanh nghiệp. Các Bộ ngành, Chính quyền địa phương cần thực hiện các giải pháp mạnh mẽ nhằm cải cách triệt để các thủ tục hành chính thông qua ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý nhằm đơn giản hóa, công khai minh bạch quy trình thủ tục, giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Cần khẩn trương đánh giá, tổng kết, tổ chức nhân rộng mô hình trung tâm hành chính công ra cả nước, tiến tới áp dụng mô hình dịch vụ công; đặc biệt tập trung vào các lĩnh vực: gia nhập thị trường, xuất nhập khẩu, thuế, đất đai, đầu tư, xây dựng, hải quan, giấy phép kinh doanh. Bộ Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương rà soát danh mục các lĩnh vực đầu tư kinh doanh có điều kiện, hệ thống hoá, công khai minh bạch các điều kiện để tháo gỡ khó khăn trong việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp.

4.2. Hỗ trợ DNNVV tiếp cận tài chính, tín dụng và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

Do đặc điểm của các DNNVV là ít vốn, các điều kiện để vay vốn ngân hàng thường không được thỏa mãn, đặc biệt là điều kiện thế chấp tài sản. Do đó, việc mở rộng hình thức cho thuê tài chính về máy móc, thiết bị sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV, giải quyết các khó khăn về vốn trung và dài hạn cho các DNNVV, giúp các DNNVV nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Hoạt động cho thuê tài chính mang lại lợi ích: Góp phần thu hút vốn đầu tư cho nền kinh tế,

góp phần thúc đẩy đổi mới công nghệ, thiết bị, cải tiến khoa học kỹ thuật, người thuê mua tài chính có thể gia tăng năng lực sản xuất trong điều kiện hạn chế về vốn và đầu tư,...

Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước cần tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: Trên cơ sở bám sát diễn biến của lạm phát và kinh tế vĩ mô, điều hành lãi suất theo hướng duy trì mức lãi suất thấp, ưu đãi hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại chủ động tiếp cận DNNVV để tư vấn cho vay các dự án, phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, mở rộng loại hình cho vay dựa trên tín chấp và phương án kinh doanh. Khuyến khích các ngân hàng thương mại áp dụng hình thức đánh giá tín nhiệm doanh nghiệp để mở rộng cho vay tín chấp đối với các doanh nghiệp có dự án, phương án sản xuất kinh doanh khả thi, cơ cấu lại các khoản vay vốn lãi suất cao trước đây. Bên cạnh nguồn vốn tín dụng ngân hàng, Bộ Tài chính chỉ đạo đẩy mạnh triển khai các hoạt động hỗ trợ DNNVV thông qua Quỹ bảo lãnh tín dụng tại Ngân hàng phát triển và hệ thống Quỹ Bảo lãnh tín dụng tại địa phương. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đẩy nhanh đưa Quỹ Phát triển DNNVV vào hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

4.3. Cải cách, hỗ trợ về thuế đối với các DNNVV

Hệ thống thuế Việt Nam đã có nhiều cải tiến theo hướng đảm bảo công bằng cho các thành phần kinh tế tuy nhiên vẫn còn những khó khăn nhất định: thời gian miễn giảm thuế cho các DNNVV còn ngắn so với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thuế suất và cách tính còn phức tạp, còn nhiều loại thuế và lệ phí,...Để giải quyết những khó khăn đó, trước mắt cần phải đơn giản hóa chế độ kế toán cho phù hợp với trình độ kế toán của DNNVV, xóa bỏ những đóng góp ngoài thuế, khi có luật thuế thay đổi cần có sự đào tạo, tập huấn cho cán bộ thuế, cán bộ kế toán cũng như chủ doanh nghiệp để nâng cao nhận thức và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ nộp thuế và đặc biệt phải xây dựng những chính sách thuế phù hợp với đặc thù của DNNVV và cần dành những ưu đãi để khuyến khích các chủ thể kinh tế hướng theo mục tiêu nhà nước dự định, ví dụ như có thể có những ưu đãi thuế cho những ngành nghề được khuyến khích phát triển dành cho các DNNVV ở những địa bàn khó khăn, vùng sâu vùng xa,...

4.4. Cần có sự phối hợp giữa các bộ, ban ngành nhằm hỗ trợ DNNVV đổi mới công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh hình thành các cụm liên kết, cụm ngành công nghiệp, tăng cường cung cấp thông tin, xúc tiến mở rộng thị trường

Con người và công nghệ là yếu tố quan trọng, giữ vai trò quyết định trong phát triển nền kinh tế xã hội, nó cũng là động lực tăng trưởng kinh tế, và là nhân tố chuyển đổi cơ cấu sản xuất, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Hiện nay, những chủ trương chính sách về công nghệ đối với DNNVV đều được vận dụng chung từ những chủ trương, chính sách chung của nhà nước đối với tất cả các doanh nghiệp. Do đó, để có thể giúp các DNNVV tiếp cận lĩnh vực công nghệ tiên tiến và đầu tư đổi mới công nghệ tương thích với định hướng phát triển của nhà nước cần phải thành lập các trung tâm hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn, xây dựng chính sách tạo lập mối quan hệ thiết thực giữa cơ quan nghiên cứu với các doanh nghiệp, hỗ trợ về vốn cho các doanh nghiệp thay đổi công nghệ...

Đối với các bộ, đặc biệt là Bộ Khoa học

Công nghệ cần tập trung chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ triển khai các chương trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, chương trình nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp, phổ biến, ứng dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến tới các DNNVV, khuyến khích hợp tác và chia sẻ công nghệ giữa DNNVV với doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, khuyến khích DNNVV tham gia các chương trình liên kết ngành, liên kết vùng và phát triển công nghiệp hỗ trợ. Các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Công thương tiếp tục đẩy mạnh triển khai có hiệu quả các chương trình đào tạo nguồn nhân lực; hỗ trợ pháp lý khuyến công dựa trên các kết quả tích cực đã đạt được trong giai đoạn vừa qua cho DNNVV. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần khẩn trương hoàn thành Đề án về cơ chế hợp tác nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực, đưa vào triển khai trong năm 2015. Bên cạnh đó, cần đẩy nhanh tiến độ trình Chính phủ ban hành các văn bản hướng dẫn quy định về chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp nhỏ khi tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, mua sắm và xây lắp theo quy định tại Điều 14, Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng và thực hiện cơ chế "một cửa" hỗ trợ thủ tục đầu tư cho DNNVV từ việc tiếp nhận hồ sơ đến việc giải quyết tập trung các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng. Bộ Công Thương rà soát công tác quản lý thị trường, kiên quyết xử lý vấn đề hàng nhái, hàng kém chất lượng, giá rẻ từ bên ngoài, phá vỡ tính lành mạnh của thị trường. Tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động xúc tiến thương mại quốc gia và hỗ trợ công nghiệp địa phương theo kế hoạch đã được phê duyệt.❑

Tài liệu tham khảo

1. Cục phát triển Doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Báo cáo kế hoạch sắp xếp doanh nghiệp nhà nước và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2015.
2. Cục phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sách trắng Doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam, 2014
3. Nguyễn Thế Bính, Kinh nghiệm quốc tế về chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và bài học cho Việt Nam, Tạp chí Hội nhập và phát triển tháng 09-10/2013.
4. Nghị định số 56/2009/NĐ-CP của Chính phủ: Về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.
5. Quyết định số 1231/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 07/9/2012 về Phê duyệt Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2011 - 2015.